

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 08 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

- Mã chứng khoán: VNE
- Địa chỉ: Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: (84-0236.3562361)
- Fax: (84-0236.3562367) - E-mail: Info@vneco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin Báo cáo tài chính Tổng hợp 6 tháng đầu năm 2023 của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của VNECO tại địa chỉ website: <https://www.vneco.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Văn Huy

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VNECO;

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

Đà Nẵng, tháng 08 năm 2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	10 - 56

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Xây lắp điện 3 thành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam. Tổng Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/12/2005, đăng ký thay đổi các lần, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023.

Tên tiếng anh: VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION.

Tên viết tắt: VNECO.

Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023 là: 904.329.530.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm lẻ bốn tỷ ba trăm hai mươi chín triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Địa chỉ trụ sở chính: 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn HOSE với mã VNE.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Đào Ngọc Quỳnh	Phó Chủ tịch
Ông Trần Quang Cần	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên
Ông Phạm Phú Mai	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/06/2023)
Bà Nguyễn Thị Như	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thường	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 29/06/2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Quang Cần	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 23/02/2023)
Ông Nguyễn Tịnh	Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 23/02/2023)
Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ trình bày tại Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ số 7.1 - Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



The stamp is circular with a red border. Inside, it contains the text: 'TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM' in the center, and 'H. S. D. N. - Đ. S. - C. T. C. P.' around the top inner edge, and 'Q. H. I. C. H. A. U. - T. P. Đ. A. N. G.' around the bottom inner edge. A blue ink signature is written over the stamp.

Nguyễn Tịnh
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Số: 245/2023/BCSX-CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam, được lập ngày 29 tháng 8 năm 2023, từ trang 06 đến trang 56, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tổng Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2023, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 5.6 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, trong đó mô tả việc Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE tiếp quản toàn bộ khối lượng đã thực hiện, đã nghiệm thu và sẽ tiếp tục thực hiện các phần việc còn lại để hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc đã ký giữa Tổng Công ty với Công ty Cổ phần Xây dựng điện Hải Xuân, Công ty TNHH Về Nguồn, Công ty TNHH Đầu tư Lâm Thuận Phát. Tổng giá trị chuyên giao là 61.579.748.640 đồng, đồng thời Tổng Công ty hạch toán giảm nợ phải thu với 3 đối tượng trên với tổng giá trị 64.398.171.902 đồng, giảm giá trị dự phòng 53.550.041.972 đồng và tăng phải thu Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE là 61.579.748.640 đồng.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 7.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, trong đó mô tả vấn đề liên quan đến kết quả của bản án 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018 của Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay, Tổng Công ty đang làm các thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục Giám đốc thẩm. Ngày 08/2/2022, Cục thi hành án dân sự Thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định về việc hoãn thi hành án đối với Tổng Công ty.

Kết luận của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề nêu trên.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 của Tổng Công ty đã được soát xét bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác với kết luận chấp nhận toàn phần ngày 29/8/2022.

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần ngày 01/4/2023.



Bùi Thị Thúy

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2023/UQ/CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

	MS	TM	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130)	100		1.382.825.517.818	1.618.746.914.203
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	92.074.099.962	76.522.852.528
1. Tiền	111		26.399.225.518	64.082.852.528
2. Các khoản tương đương tiền	112		65.674.874.444	12.440.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	6.617.843.225	25.926.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		917.843.225	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.700.000.000	25.926.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		782.805.217.267	1.063.811.167.178
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	352.479.216.766	623.812.268.024
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	133.707.187.554	182.837.645.501
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	164.940.000.000	131.652.032.740
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	143.168.812.947	136.999.220.913
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(11.490.000.000)	(11.490.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	400.504.006.569	354.123.319.117
1. Hàng tồn kho	141		400.504.006.569	354.123.319.117
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		100.824.350.795	98.363.575.380
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	-	89.516.942
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		100.823.509.117	98.254.910.156
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	841.678	19.148.282
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		1.215.728.566.788	1.222.672.789.588
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.495.258.901	3.348.005.261
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	2.465.258.901	3.318.005.261
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	30.000.000	30.000.000
II. Tài sản cố định	220		249.224.629.438	260.087.808.756
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	218.446.349.580	229.105.565.920
- Nguyên giá	222		343.805.545.255	344.528.993.922
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(125.359.195.675)	(115.423.428.002)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	30.778.279.858	30.982.242.836
- Nguyên giá	228		35.236.666.848	35.236.666.848
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.458.386.990)	(4.254.424.012)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.13	222.760.124.834	222.760.124.834
1. Nguyên giá	231		222.760.124.834	222.760.124.834
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.14	156.998.102.548	155.770.721.243
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		79.758.960.539	78.922.717.234
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		77.239.142.009	76.848.004.009
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	583.062.179.252	578.778.429.252
1. Đầu tư vào công ty con	251		531.023.464.792	527.443.464.792
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.703.750.000	4.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30.823.808.160	30.823.808.160
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.668.843.700)	(6.668.843.700)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		23.180.000.000	23.180.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.188.271.815	1.927.700.242
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	1.004.512.996	1.743.941.423
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		183.758.819	183.758.819
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		2.598.554.084.606	2.841.419.703.791

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023


	MS	TM	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		1.582.096.000.161	1.826.718.230.935
I. Nợ ngắn hạn	310		1.370.780.003.250	1.607.456.785.202
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	261.735.269.271	397.355.237.059
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	292.299.277.241	331.767.867.992
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	4.781.864.905	4.251.452.587
4. Phải trả người lao động	314		7.142.227.898	4.597.690.300
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	32.358.450.487	28.328.994.697
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18	352.673.691	431.548.252
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	6.554.031.284	3.251.143.365
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.21	761.687.796.482	833.939.631.597
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.20	1.223.374.583	1.223.374.583
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.645.037.408	2.309.844.770
II. Nợ dài hạn	330		211.315.996.911	219.261.445.733
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.15	168.035.113.089	168.035.113.089
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	5.16	8.742.072.242	8.742.072.242
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.18	230.757.770	386.516.492
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.21	34.308.053.810	42.097.743.910
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.016.458.084.445	1.014.701.472.856
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.22	1.016.458.084.445	1.014.701.472.856
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		904.329.530.000	904.329.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		904.329.530.000	904.329.530.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.522.600.000	2.522.600.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.340.505.143	6.340.505.143
5. Cổ phiếu quỹ	415		(86.919.236.536)	(86.919.236.536)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.985.555.466	11.985.555.466
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		178.199.130.372	176.442.518.783
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		176.120.326.145	169.998.666.024
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.078.804.227	6.443.852.759
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.598.554.084.606	2.841.419.703.791
(440 = 300+400)				


Đà Nẵng, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng


Võ Quang


Phạm Đỗ Minh Triết


Nguyễn Tịnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc	kết thúc
			ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	318.822.354.917	1.050.402.439.872
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		318.822.354.917	1.050.402.439.872
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	275.680.102.353	1.002.990.680.741
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		43.142.252.564	47.411.759.131
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	12.539.123.483	8.586.018.648
7. Chi phí tài chính	22	6.4	35.668.406.501	22.142.962.146
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		35.350.785.712	20.960.792.109
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	17.518.057.157	29.736.128.253
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		2.494.912.389	4.118.687.380
11. Thu nhập khác	31	6.6	338.879.520	100.000.000
12. Chi phí khác	32	6.6	-	35.000.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		338.879.520	65.000.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		2.833.791.909	4.183.687.380
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	754.987.682	1.041.971.976
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.078.804.227	3.141.715.404

Người lập biểu



Võ Quang

Kế toán trưởng



Phạm Đỗ Minh Triết

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 8 năm 2023
Tổng Giám đốc

Nguyễn Tịnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		585.352.589.461	749.564.616.961
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(426.935.989.716)	(815.028.816.671)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(8.893.046.097)	(14.051.488.345)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(31.076.005.931)	(20.720.574.564)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(229.563.502)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.539.708.780	13.151.490.105
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(14.983.584.807)	(74.642.015.518)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		110.774.108.188	(161.726.788.032)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(5.639.765.855)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	100.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(69.208.358.444)	(180.599.137.351)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		55.146.391.184	80.349.713.163
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.284.410.075)	(1.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.082.816.850	5.857.166.150
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.232.224.946	2.352.730.839
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17.031.335.539)	(98.579.293.054)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		383.175.541.030	743.591.416.006
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(461.367.066.245)	(466.389.264.460)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(3.816.150)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(78.191.525.215)	277.198.335.396
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		15.551.247.434	16.892.254.310
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	76.522.852.528	37.963.211.414
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5.1	92.074.099.962	54.855.465.724

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Võ Quang

Phạm Đỗ Minh Triết



Tổng Giám đốc

Nguyễn Tịnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Xây lắp điện 3 thành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam. Tổng Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/12/2005, đăng ký thay đổi các lần, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023.

Tên tiếng anh: VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION.

Tên viết tắt: VNECO.

Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023 là: 904.329.530.000 đồng
(*Bằng chữ: Chín trăm lẻ bốn tỷ ba trăm hai mươi chín triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng.*)

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn HOSE với mã VNE.

Địa chỉ trụ sở chính: 344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Số lao động của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2023 là 150 người (Tại ngày 31/12/2022 là 176 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500 Kv, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hoá, thể thao, sân bay, bến cảng;
- Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;
- Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất, kinh doanh xăng dầu;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định DA đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đầu tư và hợp đồng kinh tế; tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây chuyền công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;
- Đầu tư nhà máy thủy điện độc lập, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;
- Đầu tư tài chính;
- Sản xuất và kinh doanh điện;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh vận tải, kinh doanh vận tải khách (đường thủy, đường bộ) theo hợp đồng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kinh doanh sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải.
- Kinh doanh lắp đặt thiết bị điện, điện tử viễn thông, điện gia dụng;
- Kinh doanh thiết bị văn phòng, thiết bị vệ sinh;
- Kinh doanh bán kẹo, rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước, hóa mỹ phẩm;
- Kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ, đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Cho thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ: Xây lắp đường dây, lắp đặt trạm biến áp và kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2023, Tổng Công ty có các Công ty con, liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>	<u>Tỉ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỉ lệ góp vốn</u>	<u>Tỉ lệ lợi ích</u>
Công ty con					
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Khối 3 Trung Đô, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Xây lắp các công trình lưới điện	52,93%	52,93%	52,93%
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	Số 197 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Đông Vinh, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Xây lắp các công trình lưới điện	54,73%	54,73%	54,73%
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	Số 10 Đào Duy Từ, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Xây lắp các công trình lưới điện	55,93%	55,93%	55,93%
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	155 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Xây lắp các công trình lưới điện	65,73%	65,73%	65,73%
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Thôn Hồng Chính, Xã Hòa Thắng, Huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%	100%	100%
Công ty TNHH Điện Mặt trời VNECO - Hòa Thắng	Thôn Hồng Chính, Xã Hòa Thắng, Huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>	<u>Tỉ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỉ lệ góp vốn</u>	<u>Tỉ lệ lợi ích</u>
Công ty con					
Công ty Cổ phần Năng lượng VNECO	125 Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	51%	51%	51%
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	132 Cao Đức Lân, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần VNECO-RME	132 Cao Đức Lân, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	51%	38,97%	51%
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Khu vực 6, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Xây lắp các công trình lưới điện	47,11%	47,11%	47,11%

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30/6/2023 gồm:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Khách sạn Xanh Đà Nẵng	Số 64 Hoàng Văn Thái, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng.
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	Số 337/30 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - CN Miền Bắc	10A15 Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Tổng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Y
ON
TN
M
VI
4A

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là Quyền sử dụng đất, bản quyền, bằng sáng chế và phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 01 đến 04 năm.

Cho thuê tài sản**Cho thuê hoạt động**

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Tổng Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và giá trị công trình xây dựng trên đất tại thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoãn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 đến 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản Nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản Nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Tổng Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành
- Chi phí lãi vay.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Các khoản dự phòng phải trả của Tổng Công ty bao gồm: Dự phòng bảo hành công trình xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận. Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Tổng Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Tổng Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Tổng Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

197
TY
1H
0A
ETN
NE

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	483.657.848	2.383.405.981
Tiền gửi ngân hàng	25.915.567.670	61.699.446.547
Các khoản tương đương tiền	65.674.874.444	12.440.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	65.674.874.444	12.440.000.000
Tổng	92.074.099.962	76.522.852.528

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 4 Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân.

Tổng giá trị các khoản tiền và tương đương tiền dùng để cầm cố đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 30/6/2023 là 50.661.336.614 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 12.440.000.000 đồng).

5.2. Đầu tư tài chính**a. Chứng khoán kinh doanh**

	30/6/2023 (VND)			01/01/2023 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu	917.843.225	917.843.225	-	-	-	-
Cổ phiếu Ngân hàng						
Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	760.028.225	760.028.225	-	-	-	-
Cổ phiếu công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen	157.815.000	157.815.000	-	-	-	-
Tổng	917.843.225	917.843.225	-	-	-	-

Công ty xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày lập Báo cáo tài chính và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.2 Đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	5.700.000.000	5.700.000.000	25.926.000.000	25.926.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	5.700.000.000	5.700.000.000	25.926.000.000	25.926.000.000
Dài hạn	23.180.000.000	23.180.000.000	23.180.000.000	23.180.000.000
- Trái phiếu	23.180.000.000	23.180.000.000	23.180.000.000	23.180.000.000
Tổng	28.880.000.000	28.880.000.000	49.106.000.000	49.106.000.000

(1) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 4 Thành phố Hồ Chí Minh số 908/2022/36765 ngày 01/11/2022; kỳ hạn: 06 tháng; số tiền: 5.700.000.000 đồng; lãi suất: 5,7%/năm.

(2) Trái phiếu Ngân hàng Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam:

- Mã trái phiếu BID2-19.05; mệnh giá: 10.000.000 đồng/trái phiếu; số lượng: 318 trái phiếu; kỳ hạn: 10 năm; ngày phát hành 26/9/2019; lãi suất: 6,9%/năm;
- Mã trái phiếu BIDLH2128016; mệnh giá: 1.000.000.000 đồng/trái phiếu; số lượng: 20 trái phiếu; kỳ hạn: 7 năm; ngày phát hành 16/7/2021; lãi suất: 6,18%/năm.

Toàn bộ trái phiếu Ngân hàng và các khoản tiền gửi có kỳ hạn hiện đang được thế chấp cho các hợp đồng vay của Tổng Công ty.

1.0
 ON
 TN
 EM
 VI
 HA

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.2. Đầu tư tài chính (Tiếp theo)

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tỷ lệ		30/06/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con			531.023.464.792	86.824.206.200	527.443.464.792	63.415.035.600
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 (i)	52,93%	52,93%	6.985.720.000	6.985.720.000	6.985.720.000	6.007.719.200
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4 (i)	54,73%	54,73%	5.192.580.000	70.325.250.000	5.192.580.000	48.946.374.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8 (i)	55,93%	55,93%	9.746.980.000	4.228.597.800	9.746.980.000	4.832.683.200
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12 (i)	65,73%	65,73%	7.887.000.000	5.284.638.400	7.887.000.000	3.628.259.200
- Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1 (ii)	100,00%	100,00%	440.000.000.000	-	440.000.000.000	-
- Công ty TNHH Điện Mặt trời VNECO - Hòa Thắng (ii)	100,00%	100,00%	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung (ii)	100,00%	100,00%	1.631.184.792	(1.270.350.932)	1.631.184.792	(1.270.350.932)
- Công ty TNHH Đầu tư VNECO (ii)	100,00%	100,00%	23.580.000.000	-	20.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO (ii)	100,00%	100,00%	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần VNECO - RME (ii)	38,97%	51,00%	15.000.000.000	(432.580.637)	15.000.000.000	(432.580.637)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.2. Đầu tư tài chính (Tiếp theo)

	Tỷ lệ		30/06/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)			
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên kết			4.703.750.000	-	-	4.000.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10 (ii)	47,11%	47,11%	4.703.750.000	-	-	4.000.000.000	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác			30.823.808.160	3.808.160	(2.214.525.867)	30.823.808.160	3.808.160	(2.214.525.867)
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 1 (i)			179.472	179.472	-	179.472	179.472	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 9 (i)			916.740	916.740	-	916.740	916.740	-
- Công ty Cổ phần chế tạo Kết cấu thép VNECO.SSM (i)			1.913.808	1.913.808	-	1.913.808	1.913.808	-
- Công ty Cổ phần Sông Ba (i)			48.140	48.140	-	48.140	48.140	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hải Xuân VNECO (ii)	3,63%	3,63%	30.820.000.000	(2.214.525.867)	(2.214.525.867)	30.820.000.000	(2.214.525.867)	(2.214.525.867)
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2 (i)			750.000	750.000	-	750.000	750.000	-
Tổng			566.551.022.952	86.828.014.360	(6.668.843.700)	562.267.272.952	63.418.843.760	(6.668.843.700)

Trong kỳ Tổng Công ty đã tiếp tục đầu tư, góp vốn bổ sung vào Công ty TNHH đầu tư VNECO theo thỏa thuận số tiền 3.580.000.000 đồng. Đồng thời, trong kỳ Tổng Công ty đã mua bổ sung 120.375 cổ phần Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10 tương ứng với giá trị 703.750.000 đồng; theo đó tỷ lệ vốn nắm giữ tại ngày 30/6/2023 là 47,11% (tại ngày 01/01/2023 là 40,06%).

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và Công ty con, liên kết trong kỳ được trình bày tại thuyết minh số 7.3.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.2. Đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết, và các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày:

- (i) Công ty đã xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày lập Báo cáo tài chính và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.
- (ii) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.3. Phải thu khách hàng

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	352.479.216.766	623.812.268.024
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	57.942.547.809	64.044.215.736
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	487.343.713	94.367.645.206
Công ty Cổ phần thương mại REENIZE	83.522.630.184	190.571.078.607
Phải thu các đối tượng khác	210.526.695.060	274.829.328.475
Phải thu khách hàng dài hạn	2.465.258.901	3.318.005.261
Công ty Cổ phần Xây Dựng Điện VNECO 3	631.130.250	863.566.898
Công ty Cổ phần Xây Dựng Điện VNECO 8	721.797.820	987.626.099
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	1.112.330.831	1.466.812.264
Tổng	354.944.475.667	627.130.273.285
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>7.189.458.705</i>	<i>99.511.273.996</i>

5.4. Trả trước cho người bán

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	133.707.187.554	182.837.645.501
Bộ chỉ huy quân sự - TP Đà Nẵng (*)	25.493.022.727	25.493.022.727
Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE	-	50.427.150.000
Công ty cổ phần VNECO-RME	54.241.825.363	44.359.369.038
Phải thu các đối tượng khác	53.972.339.464	62.558.103.736
Tổng	133.707.187.554	182.837.645.501
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước cho người bán</i> <i>là các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>60.942.402.720</i>	<i>48.157.497.346</i>

(*) Khoản trả trước liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.5. Phải thu về cho vay

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	164.940.000.000	131.652.032.740
Công ty TNHH Điện Gió Thuận Nhiên Phong 1 (1)	153.190.000.000	119.190.000.000
Công ty cổ phần VNECO-RME (2)	8.450.000.000	8.450.000.000
Các đối tượng khác	3.300.000.000	4.012.032.740
Dài hạn	-	-
Tổng	164.940.000.000	131.652.032.740

Trong đó:

Phải thu về cho vay là các bên liên quan 164.940.000.000 131.552.032.740
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

- Hợp đồng thu xếp vốn số 01/2022/HĐTXV/VNE-THUANNHIENPHONG ngày 20/01/2022 và Phụ lục hợp đồng số 01/2022/PLHĐTXV/VNE-TNP ngày 01/7/2022 với Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1; thời hạn hợp đồng không quá 24 tháng; lãi suất 7,5%/năm.
- Hợp đồng thu xếp vốn số 01/2022/HĐTXV/VNE-RME ngày 28/3/2022 với Công ty Cổ phần VNECO-RME; thời hạn hợp đồng: 12 tháng; hợp đồng không có lãi.

5.6. Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	143.168.812.947	(11.490.000.000)	136.999.220.913	(11.490.000.000)
- Tạm ứng	34.120.317.488	-	36.757.710.696	-
- Ký cược, ký quỹ	574.608.403	-	574.608.403	-
- Lãi dự thu	30.508.149.772	-	18.470.793.755	-
- Phải thu khác	77.965.737.284	(11.490.000.000)	81.196.108.059	(11.490.000.000)
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà	11.490.000.000	(11.490.000.000)	11.490.000.000	(11.490.000.000)
Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE (*)	61.579.748.641	-	61.579.748.640	-
Phải thu khác	4.895.988.643	-	8.126.359.419	-
Dài hạn	30.000.000	-	30.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	30.000.000	-	30.000.000	-
Tổng	143.198.812.947	(11.490.000.000)	137.029.220.913	(11.490.000.000)

Trong đó:

Phải thu khác là các bên liên quan 30.606.201.075 22.692.482.046
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.6. Phải thu khác (Tiếp theo)

(*) Tổng Công ty đã ký hợp đồng số 08/2022/HĐXL-VNECO-REENIZE ngày 30/12/2022 để bàn giao công việc đang thực hiện cho Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE. Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE tiếp quản toàn bộ khối lượng đã thực hiện, đã nghiệm thu và sẽ tiếp tục thực hiện các phần việc còn lại để hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc đã ký giữa Tổng Công ty với Công ty Cổ phần Xây dựng điện Hải Xuân, Công ty TNHH Về Nguồn, Công ty TNHH Đầu tư Lâm Thuận Phát. Tổng giá trị chuyển giao là 61.579.748.640 đồng, đồng thời Tổng Công ty hạch toán giảm nợ phải thu với 3 đối tượng trên với tổng giá trị 64.398.171.902 đồng, giảm giá trị dự phòng 53.550.041.972 đồng và tăng phải thu Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE là 61.579.748.640 đồng.

5.7. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	11.490.000.000	-	11.490.000.000	-
Dự phòng phải thu khó đòi	11.490.000.000	-	11.490.000.000	-
<i>Trong đó:</i>	Quá hạn 6 tháng - 1 năm	Quá hạn 1 - 2 năm	Quá hạn 2 - 3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà	-	-	-	11.490.000.000
Tổng	-	-	-	11.490.000.000

5.8. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.986.700	-	3.986.700	-
Công cụ, dụng cụ	1.530.442.700	-	1.530.442.700	-
Chi phí SX KDDD	398.969.577.169	-	352.579.151.473	-
Hàng hóa	-	-	9.738.244	-
Tổng	400.504.006.569	-	354.123.319.117	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.9. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	-	89.516.942
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	72.394.318
Các khoản khác	-	17.122.624
Dài hạn	1.004.512.996	1.743.941.423
Công cụ dụng cụ xuất dùng	984.915.872	1.710.107.465
Các khoản khác	19.597.124	33.833.958
Tổng	1.004.512.996	1.833.458.365

5.10. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Ngân sách Nhà nước

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	30/6/2023
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp	4.251.452.587	1.542.449.002	1.012.036.684	4.781.864.905
Thuế giá trị gia tăng	-	772.625.582	772.625.582	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.251.452.587	754.987.682	229.563.502	4.776.876.767
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.847.600	2.847.600	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	11.988.138	7.000.000	4.988.138
Phải thu	19.148.282	134.283.755	115.977.151	841.678
Thuế thu nhập cá nhân	19.148.282	134.283.755	115.977.151	841.678

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2023	74.620.099.384	234.681.633.247	34.348.385.154	878.876.137	344.528.993.922
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	723.448.667	-	-	723.448.667
Thanh lý, nhượng bán	-	723.448.667	-	-	723.448.667
Số dư tại 30/6/2023	74.620.099.384	233.958.184.580	34.348.385.154	878.876.137	343.805.545.255
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2023	39.859.713.723	60.083.811.860	14.990.441.485	489.460.934	115.423.428.002
Tăng trong năm	1.785.337.804	7.529.161.907	1.339.799.220	4.917.409	10.659.216.340
Khấu hao trong năm	1.785.337.804	7.529.161.907	1.339.799.220	4.917.409	10.659.216.340
Giảm trong năm	-	723.448.667	-	-	723.448.667
Thanh lý, nhượng bán	-	723.448.667	-	-	723.448.667
Số dư tại 30/6/2023	41.645.051.527	66.889.525.100	16.330.240.705	494.378.343	125.359.195.675
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2023	34.760.385.661	174.597.821.387	19.357.943.669	389.415.203	229.105.565.920
Tại ngày 30/6/2023	32.975.047.857	167.068.659.480	18.018.144.449	384.497.794	218.446.349.580

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2023 là 49.365.906.303 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 49.775.518.264 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 30/6/2023 là 186.635.073.328 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 180.275.662.890 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm tin học	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2023	34.637.380.528	50.086.320	549.200.000	35.236.666.848
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2023	34.637.380.528	50.086.320	549.200.000	35.236.666.848
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2023	3.677.768.192	50.086.320	526.569.500	4.254.424.012
Tăng trong năm	192.656.728	-	11.306.250	203.962.978
Khấu hao trong năm	192.656.728	-	11.306.250	203.962.978
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2023	3.870.424.920	50.086.320	537.875.750	4.458.386.990
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2023	30.959.612.336	-	22.630.500	30.982.242.836
Tại ngày 30/6/2023	30.766.955.608	-	11.324.250	30.778.279.858

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2023 là 508.836.320 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 508.836.320 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 30/6/2023 là 30.766.955.615 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 30.982.242.836 đồng).

5.13. Bất động sản đầu tư*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá	222.760.124.834	-	-	222.760.124.834
- Quyền sử dụng đất	219.211.090.842	-	-	219.211.090.842
- Cơ sở hạ tầng	3.549.033.992	-	-	3.549.033.992
Tồn thất do suy giảm giá:	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại	222.760.124.834	-	-	222.760.124.834
- Quyền sử dụng đất	219.211.090.842	-	-	219.211.090.842
- Cơ sở hạ tầng	3.549.033.992	-	-	3.549.033.992

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.13 Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)

Bất động sản đầu tư của Công ty tại ngày 30/6/2022 bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nằm giữ với mục đích chờ tăng giá tại các địa điểm sau:

- Số 125 Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 129C Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 129D Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 153/6 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 157/6 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 167 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 173/3 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 173/11/6 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 173/11/7 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 30/6/2023 là 222.760.124.834 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 152.160.124.834 đồng).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán tổng hợp.

5.14. Tài sản dở dang dài hạn

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	79.758.960.539	-	78.922.717.234	-
Khu đô thị mới Mỹ Thuận	79.758.960.539	-	78.922.717.234	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	77.239.142.009	-	76.848.004.009	-
Dự án siêu thị Greenmart	72.416.851.673	-	72.416.851.673	-
Các dự án khác	4.822.290.336	-	4.431.152.336	-
Tổng	156.998.102.548	-	155.770.721.243	-

Dự án siêu thị Greenmart - Đà Nẵng hiện đang được cầm cố theo hợp đồng cầm cố tài sản số 01/2019/242753/HĐBĐ giữa Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.15. Phải trả người bán*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	261.735.269.271	261.735.269.271	397.355.237.059	397.355.237.059
Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh thép Thăng Lợi	-	-	110.381.337.818	110.381.337.818
Công ty TNHH Thép Thiên Long	23.270.713.256	23.270.713.256	20.899.366.645	20.899.366.645
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Sao Việt Linh	1.924.362.255	1.924.362.255	43.966.464.052	43.966.464.052
Phải trả cho các đối tượng khác	236.540.193.760	236.540.193.760	222.108.068.544	222.108.068.544
b. Dài hạn	168.035.113.089	168.035.113.089	168.035.113.089	168.035.113.089
Công ty TNHH LEXIM	168.035.113.089	168.035.113.089	168.035.113.089	168.035.113.089
Tổng	429.770.382.360	429.770.382.360	565.390.350.148	565.390.350.148

*Trong đó:**Phải trả cho người bán là các bên liên quan*

	65.272.421.357	65.272.421.357	41.503.754.630	41.503.754.630
--	----------------	----------------	----------------	----------------

*(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)***5.16. Người mua trả tiền trước**

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	292.299.277.241	331.767.867.992
Công ty Cổ phần Xây dựng & Phát triển Cơ sở Hạ tầng số 9 Hà Nội	192.200.986.187	226.633.397.534
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	25.252.468.577	13.533.187.366
Các khoản người mua trả tiền trước khác	74.845.822.477	91.601.283.092
Người mua trả tiền trước dài hạn	8.742.072.242	8.742.072.242
Công ty Cổ phần Malblue	8.742.072.242	8.742.072.242
Tổng	301.041.349.483	340.509.940.234

*Trong đó:**Người mua trả tiền trước là các bên liên quan*

	8.742.072.242	8.742.072.242
--	---------------	---------------

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.17. Doanh thu chưa thực hiện

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	352.673.691	431.548.252
Chênh lệch bán hàng trả chậm, trả góp	352.673.691	431.548.252
Dài hạn	230.757.770	386.516.492
Chênh lệch bán hàng trả chậm, trả góp	230.757.770	386.516.492
Tổng	583.431.461	818.064.744

5.18. Chi phí phải trả

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	32.358.450.487	28.328.994.697
Trích trước chi phí lãi vay	4.492.623.867	2.187.939.773
Trích trước chi phí công trình	25.457.690.524	23.716.918.828
Các khoản khác	2.408.136.096	2.424.136.096
Dài hạn	-	-
Tổng	32.358.450.487	28.328.994.697

5.19. Phải trả khác

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	6.554.031.284	3.251.143.365
Kinh phí công đoàn	643.855.487	572.974.659
Bảo hiểm xã hội	1.089.609.442	123.275.189
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	993.867.100	993.867.100
Phải trả, phải nộp khác	3.826.699.255	1.561.026.417
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12</i>	<i>337.296.839</i>	<i>221.826.518</i>
Các khoản khác	3.489.402.416	1.339.199.899
Dài hạn	-	-
Tổng	6.554.031.284	3.251.143.365

Trong đó:

Phải trả các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

337.296.839

221.826.518

5.20. Dự phòng phải trả

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	1.223.374.583	1.223.374.583
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.223.374.583	1.223.374.583
Tổng	1.223.374.583	1.223.374.583

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.21. Vay và nợ tài chính

	30/6/2023 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2023 (VND)		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a. Ngắn hạn							
1. Vay ngắn hạn							
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam- CN Hải Vân (1)	781.687.796.482	781.687.796.482	381.675.541.030	453.927.376.145	853.939.631.597	853.939.631.597	853.939.631.597
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Sở giao dịch	762.823.038.282	762.823.038.282	373.885.850.930	449.395.064.045	838.332.251.397	838.332.251.397	838.332.251.397
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hà Nội (2)	403.139.034.699	403.139.034.699	115.536.749.117	101.704.029.035	389.306.314.617	389.306.314.617	389.306.314.617
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	40.792.535.692	40.792.535.692	40.792.535.692	40.792.535.692
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 4 Hồ Chí Minh (3)	91.513.069.710	91.513.069.710	38.980.474.214	84.643.870.482	137.176.465.978	137.176.465.978	137.176.465.978
Công ty Cổ phần Chứng khoán HDBS	-	-	-	59.756.400.000	59.756.400.000	59.756.400.000	59.756.400.000
Công ty TNHH Đồng Vinh Thịnh	178.913.041.856	178.913.041.856	203.051.637.056	152.819.521.671	128.680.926.471	128.680.926.471	128.680.926.471
Đỗ Văn Phúc	873.683.984	873.683.984	2.613.545.589	1.739.861.605	-	-	-
Công ty Cổ phần VNECO-RME (4)	1.600.000.000	1.600.000.000	-	-	1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	3.480.000.000	3.480.000.000	210.000.000	-	3.270.000.000	3.270.000.000	3.270.000.000
VETOTRADE MANAGEMENT LIMITED COMPANY (5)	8.416.477.694	8.416.477.694	1.081.477.694	-	7.335.000.000	7.335.000.000	7.335.000.000
Công ty Cổ phần Mailblue (6)	2.217.662.067	2.217.662.067	-	-	2.217.662.067	2.217.662.067	2.217.662.067
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	28.893.554.762	28.893.554.762	-	5.888.845.560	34.782.400.322	34.782.400.322	34.782.400.322
	4.461.967.260	4.461.967.260	4.461.967.260	-	-	-	-
	-	-	550.000.000	550.000.000	-	-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.21. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	30/6/2023 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nguyễn Trọng Hùng	2.179.537.500	2.179.537.500	-	-	2.179.537.500	2.179.537.500
Nguyễn Quang Huy	2.340.633.750	2.340.633.750	-	-	2.340.633.750	2.340.633.750
Lê Minh Tâm	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Hà Thị Hòa Bình	6.650.000.000	6.650.000.000	-	-	6.650.000.000	6.650.000.000
Dương Thị Bích Hảo	2.244.375.000	2.244.375.000	-	-	2.244.375.000	2.244.375.000
Nguyễn Đăng Mai	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-
Nguyễn Đình Lai	200.000.000	200.000.000	200.000.000	-	-	-
Nguyễn Thị Hiền	2.400.000.000	2.400.000.000	2.400.000.000	-	-	-
Lê Thị Hà	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	-
Nguyễn Thị Hiền	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	-	-	-
Trương Thị Thủy Dương	100.000.000	100.000.000	100.000.000	-	-	-
2. Vay dài hạn đến hạn trả	18.864.758.200	18.864.758.200	7.789.690.100	4.532.312.100	15.607.380.200	15.607.380.200
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam- CN Hải Vân (7)	18.864.758.200	18.864.758.200	7.789.690.100	4.532.312.100	15.607.380.200	15.607.380.200
b. Dài hạn	14.308.053.810	14.308.053.810				
Vay dài hạn	14.308.053.810	14.308.053.810				
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam- CN Hải Vân (7)	14.308.053.810	14.308.053.810	-	7.789.690.100	22.097.743.910	22.097.743.910
Tổng	795.995.850.292	795.995.850.292	381.675.541.030	461.717.066.245	876.037.375.507	876.037.375.507
Trong đó:						
Vay các bên liên quan	15.096.107.021	15.096.107.021				
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)						

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.21. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (1) Tổng Công ty vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/242753/HĐTD ngày 06/09/2022:
- Hạn mức tín dụng là 980.000.000.000 đồng;
 - Thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/08/2023;
 - Lãi suất được xác định trong từng trường hợp cụ thể;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
 - Số dư nợ vay tại ngày 30/06/2023 là 403.139.034.699 đồng;
 - Biện pháp bảo đảm: Tài sản cố định, bất động sản, giá trị hình thành trong tương lai dự án siêu thị Greenmart và các tài sản khác theo các hợp đồng bảo đảm với Ngân hàng.
- (2) Tổng Công ty vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 4602133/2022/HĐTD/VPB-VNECO ngày 05/08/2022:
- Hạn mức tín dụng là 450.000.000.000 đồng;
 - Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: 12 tháng từ ngày ký Hợp đồng. Thời hạn vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;
 - Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động (cho vay, phát hành bảo lãnh, LC) phục vụ hoạt động xây lắp, thi công các công trình và các dịch vụ liên quan đến hoạt động thi công công trình ngành điện, thương mại thiết bị ngành điện; thương mại hàng hóa khác (bao gồm: sắt thép; hạt nhựa và nguyên liệu nhựa);
 - Số dư nợ vay tại ngày 30/06/2023 là 91.513.069.710 đồng;
 - Biện pháp bảo đảm: Quyền đòi nợ từ các hợp đồng đầu ra, cầm cố, thế chấp bằng các hợp đồng tiền gửi và Trái phiếu thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty và các biện pháp, tài sản bảo đảm khác.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.21. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (3) Tổng Công ty vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT908-TCTVNECO ngày 10/01/2023:
- Hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 đồng;
 - Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: từ ngày 10/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023;
 - Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh;
 - Số dư nợ vay tại ngày 30/06/2023 là: 178.913.041.856 đồng;
 - Đảm bảo tiền vay:
 - + Các phương tiện vận tại theo các hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2022/HĐBĐ/NHCT909-VNE ngày 29/04/2022 và 02/2022/HĐBĐ/NHCT909-VNE ngày 29/04/2022 với tổng giá trị tài sản đảm bảo thế chấp lần lượt là 819.000.000 đồng và 4.095.000.000 đồng;
 - + Quyền đòi nợ/Các khoản phải thu theo các Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản;
 - + Bất động sản theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 201/2022/HĐBĐ/NHCT908-VNE ngày 07/06/2023 với tổng giá trị tài sản đảm bảo thế chấp là 7.414.000.000 đồng;
 - + Bất động sản theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 202/2022/HĐBĐ/NHCT908-VNE ngày 07/06/2023 với tổng giá trị tài sản đảm bảo thế chấp là 12.916.100.000 đồng;
 - + Các giấy tờ có giá cụ thể là số tiền gửi bị phong tỏa tài khoản thanh toán của Vneco mở tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh 4: 10.401.711.000 đồng và tổng giá trị các Hợp đồng tiền gửi làm tài sản cầm cố: 22.056.000.000 đồng.
- (4) Tổng Công ty vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Vneco - RME theo Hợp đồng thu xếp vốn số 01/2022/HĐTXV/VNE-RME ngày 28/3/2022:
- Số tiền: 20.000.000.000 đồng;
 - Thời hạn cho vay: không quá 12 tháng;
 - Lãi suất: Không có.
 - Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Số dư nợ vay tại ngày 30/06/2023 là 8.416.477.694 đồng;
 - Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.21. Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)

(5) Tổng Công ty vay ngắn hạn Vetotrade Management Limited Company theo Hợp đồng vay từng lần:

- Số tiền: theo từng hợp đồng cụ thể;
- Thời hạn cho vay: không quá 40 ngày đến 60 ngày;
- Lãi suất: Từ 13,5%/ năm đến 14%/năm.
- Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(6) Tổng Công ty vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Malblue theo Hợp đồng thu xếp vốn số 01/2021/HĐTXV/NECO-MALBLUE ngày 14/9/2021:

- Số tiền: 9.700.000.000 đồng;
- Thời hạn cho vay: không quá 12 tháng;
- Lãi suất: 7,5%/ năm.
- Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Số dư nợ vay tại ngày 30/06/2023 là 4.461.967.260 đồng;
- Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(7) Tổng Công ty vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân theo các hợp đồng sau:

a) Hợp đồng số 03/2020/242753/HĐTD ngày 16/10/2020:

- Số tiền vay là 4.800.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân;
- Lãi suất: năm đầu tiên lãi suất cố định 8,5%/năm, từ năm thứ hai trở đi áp dụng lãi suất thả nổi được quy định như sau: bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau niêm yết tại ngân hàng + phí 3,5%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần;
- Mục đích vay: Đầu tư mua xe ô tô BMW 740 Li phục vụ điều hành.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.21. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- b) Hợp đồng số 04/2020/242753/HĐTD ngày 22/10/2020:
 - Số tiền vay là 19.700.000.000 đồng;
 - Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân;
 - Lãi suất: năm đầu tiên lãi suất cố định 8,5%/năm, từ năm thứ hai trở đi áp dụng lãi suất thả nổi được thả nổi được quy định như sau: bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau niêm yết tại ngân hàng + phí 3,5%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần;
 - Mục đích vay: Đầu tư dự án 'Mua sắm thiết bị thi công kéo dây không chạm đất'.
- c) Hợp đồng số 05/2020/242753/HĐTD ngày 15/10/2020:
 - Số tiền vay là 5.500.000.000 đồng;
 - Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân;
 - Lãi suất: năm đầu tiên lãi suất cố định 8,5%/năm, từ năm thứ hai trở đi áp dụng lãi suất thả nổi được thả nổi được quy định như sau: bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau niêm yết tại ngân hàng + phí 3,5%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần;
 - Mục đích vay: Đầu tư trụ sở văn phòng Công ty TNHH MTV Vneco Miền Trung.
- d) Hợp đồng số 01/2021/242753/HĐTD ngày 08/02/2021:
 - Số tiền vay là 175.000.000.000 đồng;
 - Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày cấp tín dụng đầu tiên;
 - Lãi suất: năm đầu tiên lãi suất cố định 8,5%/năm, từ năm thứ hai trở đi áp dụng lãi suất thả nổi được thả nổi được quy định như sau: bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau niêm yết tại ngân hàng + phí 3,5%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần;
 - Mục đích vay: Đầu tư trụ sở văn phòng Công ty TNHH MTV Vneco Miền Trung.
 - Biện pháp bảo đảm: Tài sản cố định, bất động sản, giá trị hình thành trong tương lai dự án siêu thị Greenmart và các tài sản khác theo các hợp đồng bảo đảm với Ngân hàng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.22. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**a. Biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận		Tổng
						chưa phân phối	sau thuế	
Số dư tại 01/01/2022	904.329.530.000	2.522.600.000	6.340.505.143	(86.919.236.536)	11.985.555.466	172.215.183.428	1.010.474.137.501	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	6.443.852.759	6.443.852.759	
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(2.216.517.404)	(2.216.517.404)	
Số dư tại 31/12/2022	904.329.530.000	2.522.600.000	6.340.505.143	(86.919.236.536)	11.985.555.466	176.442.518.783	1.014.701.472.856	
Số dư tại 01/01/2023	904.329.530.000	2.522.600.000	6.340.505.143	(86.919.236.536)	11.985.555.466	176.442.518.783	1.014.701.472.856	
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-	
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	2.078.804.227	2.078.804.227	
Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	-	-	(322.192.638)	(322.192.638)	
Số dư tại 30/6/2023	904.329.530.000	2.522.600.000	6.340.505.143	(86.919.236.536)	11.985.555.466	178.199.130.372	1.016.458.084.445	

Đơn vị tính: VND

(i) Tổng Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2023 NG/VNECO-DHĐCĐ ngày 29/6/2023; Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% Lợi nhuận sau thuế năm 2022) số tiền 322.192.638 đồng.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	904.329.530.000	904.329.530.000
Tổng	904.329.530.000	904.329.530.000

VỐN CHỦ SỞ HỮU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.22. Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	904.329.530.000	904.329.530.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	904.329.530.000	904.329.530.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/6/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.432.953	90.432.953
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.432.953	90.432.953
Cổ phiếu phổ thông	90.432.953	90.432.953
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.432.953	90.432.953
Cổ phiếu phổ thông	90.432.953	90.432.953
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.22. Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ

	30/6/2023	01/01/2023
Ngoại tệ các loại		
USD	73,83	87,03
	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Nợ khó đòi đã xử lý		
Ông Lâm Phúc Lâm và Bà Lê Thị Thủy Vân	66.520.858.333	66.520.858.333
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Văn Hà	32.027.715.546	32.027.715.546
Các đối tượng khác	8.890.162.851	8.890.162.851

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	157.936.022.316	215.867.425.012
Doanh thu hoạt động xây lắp	160.886.332.601	834.535.014.860
Tổng	318.822.354.917	1.050.402.439.872

*Trong đó:**Doanh thu với các bên liên quan**2.309.633.748**245.407.720**(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)***6.2 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	120.336.650.100	217.422.962.736
Giá vốn hoạt động xây lắp	155.343.452.253	785.567.718.005
Tổng	275.680.102.353	1.002.990.680.741

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.218.900.050	6.630.868.648
Lãi bán các khoản đầu tư	-	1.955.150.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.000	-
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	234.633.283	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	85.583.150	-
Tổng	12.539.123.483	8.586.018.648

*Trong đó:**Doanh thu tài chính với các bên liên quan**9.846.797.529**4.500.794.586**(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lãi tiền vay	35.350.785.712	20.960.792.109
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	-	1.170.457.287
Chi phí hoạt động tài chính khác	317.620.789	11.712.750
Tổng	35.668.406.501	22.142.962.146

*Trong đó:**Chi phí tài chính với các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)*

143.949.773 -

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí quản lý	17.518.057.157	29.736.128.253
Chi phí nhân viên quản lý	9.437.720.324	8.937.788.012
Chi phí đồ dùng văn phòng	605.108.990	370.223.854
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.820.020.774	3.821.042.785
Thuế phí và lệ phí	8.847.600	722.561.464
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	10.839.931.770
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.545.230.879	440.610.540
Chi phí bằng tiền khác	2.101.128.590	4.603.969.828
Tổng	17.518.057.157	29.736.128.253

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	338.879.467	100.000.000
Các khoản khác	53	-
Tổng	338.879.520	100.000.000
Chi phí khác		
Chi phí khác	-	35.000.000
Tổng	-	35.000.000
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	338.879.520	65.000.000

*Trong đó:**Thu nhập khác với các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)*

289.379.467 -

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.833.791.909	4.183.687.380
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm	941.146.500	1.026.172.500
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>941.146.500</i>	<i>1.026.172.500</i>
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.774.938.409	5.209.859.880
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	754.987.682	1.041.971.976
Tổng	754.987.682	1.041.971.976

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	63.630.913.146	74.900.847.618
Chi phí nhân công	12.868.087.132	13.042.539.112
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.171.066.773	15.903.423.546
Chi phí dịch vụ mua ngoài	166.008.573.740	699.397.726.116
Chi phí khác bằng tiền	6.937.646.487	24.843.784.826
Tổng	259.616.287.278	828.088.321.218

3101
NG T
NH
M T C
VIET
HÀ N

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin tài chính khác**

Ngày 12/10/2007, Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và bà Ngô Kim Huệ ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư về xây dựng công trình phức hợp cao tầng tại thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Tổng Công ty đã chuyển cho bà Ngô Kim Huệ 310.000.000.000 đồng bằng nguồn vốn phát hành trái phiếu và vay ngân hàng. Tuy nhiên, việc sang tên để Tổng Công ty đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không hoàn thành đúng tiến độ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Ngày 25/6/2010, hai bên đã lập biên bản làm việc thống nhất chấm dứt hợp đồng hợp tác. Trên cơ sở đó, ngày 30/6/2010, hai bên thống nhất ký thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo đó, bà Ngô Kim Huệ phải trả lại cho Tổng Công ty số tiền 400.000.000.000 đồng (gồm 310.000.000.000 đồng tiền gốc và 90.000.000.000 đồng tiền lãi). Bà Ngô Kim Huệ sau đó đã chuyển trả cho Tổng Công ty 400.000.000.000 đồng nói trên.

Theo bản án số 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018, Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định Tổng Công ty có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Hứa Thị Phần và các bị cáo khác phạm tội “Lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”, do liên quan đến số tiền 200.000.000.000 đồng trong 400.000.000.000 đồng mà bà Ngô Kim Huệ đã chuyển trả cho Tổng Công ty. Theo đó, bản án yêu cầu Tổng Công ty hoàn trả lại số tiền 200.000.000.000 đồng nêu trên cho Ngân hàng Xây dựng Việt Nam. Về quan hệ giữa các bị cáo và Tổng Công ty sẽ được giải quyết trong một vụ án khác khi các bên có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Hiện tại, Tổng Công ty đang làm các thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục Giám đốc thẩm.

Ngày 08/2/2022, Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định về việc hoãn thi hành án đối với Tổng Công ty về việc buộc Tổng Công ty phải hoàn trả số tiền 200.000.000.000 đồng được xác định là vật chứng vụ án cho ngân hàng TNHH MTV Xây dựng Việt Nam.

7.2 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2023.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7.3 Thông tin về các bên liên quan

Công ty có các bên liên quan như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	Công ty con
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Công ty con
Công ty TNHH Điện Mặt trời VNECO - Hòa Thắng	Công ty con
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	Công ty con
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	Công ty con
Công ty Cổ phần Năng lượng VNECO	Công ty con
Công ty Cổ phần VNECO - RME	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Malblue	Công ty có ảnh hưởng đáng kể
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Cho kỳ kế toán</u>	<u>Cho kỳ kế toán</u>
		<u>kết thúc</u>	<u>kết thúc</u>
		<u>ngày 30/6/2023</u>	<u>ngày 30/6/2022</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	420.000.000	360.000.000
Trần Quang Cận	Thành viên HĐQT	253.968.650	42.000.000
Nguyễn Tịnh	Thành viên HĐQT	42.000.000	42.000.000
Phạm Phú Mai	Thành viên HĐQT	42.000.000	42.000.000
Đào Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	240.000.000	135.857.000
Tổng		997.968.650	621.857.000

Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Cho kỳ kế toán</u>	<u>Cho kỳ kế toán</u>
		<u>kết thúc</u>	<u>kết thúc</u>
		<u>ngày 30/6/2023</u>	<u>ngày 30/6/2022</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyễn Thị Thanh Hà	Trưởng BKS	150.000.000	150.000.000
Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Thành viên BKS	24.000.000	24.000.000
Lê Chí Dũng	Thành viên BKS	-	16.000.000
Nguyễn Thị Như	Thành viên BKS	24.000.000	8.000.000
Tổng		198.000.000	198.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
		VND	VND
Nguyễn Tịnh	Tổng Giám đốc	352.328.077	248.162.000
Trần Quang Cần	Tổng Giám đốc	-	368.091.000
Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc	252.055.305	248.010.000
Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc	222.860.077	248.162.000
Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc	251.796.170	243.365.000
Tổng		1.079.039.629	1.355.790.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**b. Giao dịch với các bên liên quan**

	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022
			VND	VND
Cho vay				
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	Công ty con	Cho vay	34.600.000.000	59.709.903.669
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Công ty con	Cho vay	-	9.429.837.969
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	Công ty con	Cho vay	34.000.000.000	27.914.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	Công ty con	Cho vay	-	816.065.700
Công ty Cổ phần VNECO - RME	Công ty con	Cho vay	600.000.000	4.700.000.000
			-	16.850.000.000
Vay				
Công ty Cổ phần VNECO - RME	Công ty con	Vay tiền	5.743.444.954	6.300.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Công ty liên kết	Vay tiền	1.081.477.694	6.300.000.000
Công ty Cổ phần Malblue	Công ty có ảnh hưởng đáng kể	Vay tiền	200.000.000	-
			4.461.967.260	-
Bán hàng				
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	Công ty con	Bán hàng	2.309.633.748	245.407.720
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	Công ty con	Bán hàng	45.900.000	48.500.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	Công ty con	Bán hàng	2.263.733.748	-
			-	196.907.720

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022
	VND	VND
Mua hàng	86.330.337.661	87.103.200.951
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	15.054.883.834	6.734.238.198
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	11.454.778.149	2.913.299.240
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	10.029	5.014.698.202
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	4.530.988.790	20.247.769.840
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	34.019.317.973	-
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	6.819.229.751	3.450.419.766
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	2.734.542.133	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	350.344.854	14.828.164.572
Công ty Cổ phần VNECO - RME	11.366.242.148	33.914.611.133
Lãi cho vay và bán hàng trả chậm	9.846.797.529	4.500.794.586
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	112.577.179	134.496.568
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	72.036.954	97.105.263
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	-	64.113.926
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	9.456.141.233	4.073.053.768
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	99.608.191	132.025.061
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	83.075.068	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	23.358.904	-
Lãi vay	143.949.773	-
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	28.479.452	-
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	115.470.321	-



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Thu nhập khác	289.379.467	-
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	289.379.467	-
Giao dịch khác	1.420.561.901	-
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	1.280.407.201	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	140.154.700	-

Thanh lý TSCĐ

Thu hộ, chi hộ
Thu hộ, chi hộ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Số dư với các bên liên quan

	Mối quan hệ	
	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng	7.189.458.705	99.511.273.996
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>	4.724.199.804	96.193.268.735
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	475.923.317	497.601.835
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	544.294.017	569.086.850
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	487.343.713	94.367.645.206
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	726.531.634	758.934.844
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	2.490.107.123	-
Phải thu khách hàng dài hạn	2.465.258.901	3.318.005.261
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	631.130.250	863.566.898
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	721.797.820	987.626.099
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	1.112.330.831	1.466.812.264

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**c. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)****Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	Công ty con	48.157.497.346	01/01/2023
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	Công ty con	1.593.161.596	
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	Công ty con	2.204.966.712	
Công ty Cổ phần VNECO - RME	Công ty con	-	
		44.359.369.038	

Phải thu về cho vay ngắn hạn

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Công ty con	131.552.032.740	
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Công ty con	1.000.000.000	
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	Công ty con	119.190.000.000	
Công ty Cổ phần VNECO - RME	Công ty con	1.700.000.000	
Công ty Cổ phần Malblue	Công ty con	8.450.000.000	
	Công ty có ảnh hưởng đáng kể	1.212.032.740	

Phải thu khác

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Công ty con	30.606.201.075	22.692.482.046
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	Công ty con	975.265.259	671.561.052
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	Công ty con	1.401.161.037	1.110.539.925
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Công ty con	82.147.951	82.147.951
Công ty TNHH Điện Mặt trời VNECO - Hòa Thắng	Công ty con	24.722.445.645	18.036.525.250
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	Công ty con	433.433.964	433.433.964
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	Công ty con	1.609.182.424	1.222.297.781
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	Công ty con	83.075.068	-
Công ty Cổ phần VNECO - RME	Công ty con	1.102.149.688	938.636.084
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Công ty con	192.819.491	192.819.491
	Công ty liên kết	4.520.548	4.520.548

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**c. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	65.272.421.357	41.503.754.630
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	14.903.487.855	862.523.780
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	12.460.946.107	11.444.224.257
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	18.321.864.156	18.485.865.767
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	5.923.753.440	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	6.509.503.964	2.889.200.501
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	3.558.247.548	4.076.690.704
	3.594.618.287	3.745.249.621
Người mua trả tiền trước dài hạn		
Công ty Cổ phần Malblue	8.742.072.242	8.742.072.242
	8.742.072.242	8.742.072.242
Vay và nợ thuê tài chính		
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	15.096.107.021	9.552.662.067
Công ty Cổ phần VNECO - RME	2.217.662.067	2.217.662.067
Công ty Cổ phần Malblue	8.416.477.694	7.335.000.000
	4.461.967.260	-
Phải trả khác		
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	337.296.839	221.826.518
	337.296.839	221.826.518

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM.

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Võ Quang

Phạm Đỗ Minh Triết



Nguyễn Tịnh

